BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Hình họa - Vẽ kỹ thuật (CNKTHH+CNKTMT) - 1103060

Mã lớp học phần: 110306001 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Ao Huyền Linh

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310080021	Nguyễn Trường	**An**	20/01/1995		6	sáu	C15MT	
2	1310080023	Võ Kim	**Ánh**	10/01/1995		6	sáu	C15MT	
3	1310080014	Lý Gia	**Ân**	20/03/1995		6	sáu	C15MT	
4	1310080050	Lý Huỳnh Thanh	**Bình**	04/10/1995		6	sáu	C15MT	
5	1310080006	Huỳnh Thị	**Công**	10/5/1995		6	sáu	C15MT	
6	1310080033	Trần Công	**Duy**	17/011/1995		7	bảy	C15MT	
7	1310080005	Võ Thị Mỹ	**Duyên**	29/10/1995		7	bảy	C15MT	
8	1310080030	Nguyễn	**Được**	29/01/1994		6	sáu	C15MT	
9	1310080026	Nguyễn Ngọc	**Giàu**	24/01/1995		7	bảy	C15MT	
10	1310080043	Nguyễn Minh	**Hải**	28/09/1994		7	bảy	C15MT	
11	1310080001	Lê Võ Thị Hồng	**Hạnh**	24/07/1995		6	sáu	C15MT	
12	1310080010	Võ Thanh	**Huy**	27/01/1995		7	bảy	C15MT	
13	1310080038	Nguyễn Thị Phương	**Huyền**	22/04/1995				C15MT	
14	1310080015	Võ Thị Ngọc	**Huyền**	20/12/1995		7	bảy	C15MT	
15	1310080012	Nguyễn Văn	**Khánh**	18/11/1995		7	bảy	C15MT	
16	1310080040	Võ Tuấn	**Kiệt**	19/11/1995				C15MT	
17	1310080011	Tsần Thị Bích	**Kim**	16/05/1995		7	bảy	C15MT	
18	1310080003	Huỳnh Thị Khánh	**Linh**	13/05/1995		7	bảy	C15MT	
19	1310080009	Đỗ Sĩ	**Long**	25/07/1994				C15MT	
20	1310080028	Nguyễn Ngọc Phúc	**Lộc**	19/03/1994		7	bảy	C15MT	
21	1310080047	Nguyễn Thị Trà	**My**	08/04/1995				C15MT	
22	1310080025	Phạm Thị Diễm	**My**	09/01/1995		6	sáu	C15MT	
23	1310080027	Nguyễn Thị Hồng	**Oanh**	01/11/1994		7	bảy	C15MT	
24	1310080008	Phạm Hoàng	**Phú**	17/05/1995		7	bảy	C15MT	
25	1310080013	Trần Nguyễn Duy	**Sơn**	12/10/1995		7	bảy	C15MT	
26	1310080041	Ngô Tấn	**Tài**	20/02/1995		6	sáu	C15MT	
27	1310080037	Thái Thiện	**Tày**	10/08/1994		6	sáu	C15MT	
28	1310080002	Nguyễn Trung	**Tâm**	19/05/1994		7	bảy	C15MT	
29	1310080016	Huỳnh Thị Thu	**Thảo**	07/04/1995		6	sáu	C15MT	
30	1310080031	Nguyễn Thị Hoài	**Thơ**	24/01/1994		7	bảy	C15MT	
31	1310080035	Trần Thị Mỹ	**Thu**	06/11/1995		6	sáu	C15MT	
32	1310080029	Nguyễn Thị Lệ	**Thy**	08/03/1995		6	sáu	C15MT	
33	1310080017	Ngô Thị Lệ	**Trang**	21/06/1995		7	bảy	C15MT	
34	1310080007	Lê Thị Mỹ	**Tuyền**	30/9/1995		7	bảy	C15MT	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1310080039	Nguyễn Anh	**Tú**	02/11/1991		6	sáu	C15MT	
	1310080022	Mai Thị Hồng	**Tươi**	08/07/1995		6	sáu	C15MT	
	1310080044	Ngô Thị Kim	**Vàng**	13/05/1995		6	sáu	C15MT	
	1310080004	Nguyễn Đoàn Tấn	**Vinh**	22/06/1994		7	bảy	C15MT	
9	1310080042	Nguyễn Thị Hoàng	**Yến**	24/10/1995		7	bảy	C15MT	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Hình họa - Vẽ kỹ thuật (CNKTHH+CNKTMT) - 1103060
Mã lớp học phần: 110306001 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Ao Huyền Linh
Ngày thi: 28/05/2014 **Giờ thi: 13h15** **Phòng thi: B2.2**

Giám thị 1: Bảo Ngân Ký tên:
Giám thị 2: Minh Trí Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310080021	Nguyễn Trường	**An**	20/01/1995			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
2	1310080023	Võ Kim	**Ánh**	10/01/1995			4,0	bốn	C15MT	
3	1310080014	Lý Gia	**Ân**	20/03/1995			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
4	1310080050	Lý Huỳnh Thanh	**Bình**	04/10/1995			5,0	năm	C15MT	
5	1310080006	Huỳnh Thị	**Công**	10/5/1995			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
6	1310080033	Trần Công	**Duy**	17/011/1995			6,0	sáu	C15MT	
7	1310080005	Võ Thị Mỹ	**Duyên**	29/10/1995			4,0	bốn	C15MT	
8	1310080030	Nguyễn	**Được**	29/01/1994			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
9	1310080026	Nguyễn Ngọc	**Giàu**	24/01/1995			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
10	1310080043	Nguyễn Minh	**Hải**	28/09/1994			7,0	bảy	C15MT	
11	1310080001	Lê Võ Thị Hồng	**Hạnh**	24/07/1995			3,0	ba	C15MT	
12	1310080010	Võ Thanh	**Huy**	27/01/1995			4,0	bốn	C15MT	
13	1310080038	Nguyễn Thị Phương	**Huyền**	22/04/1995					C15MT	Nợ HP V
14	1310080015	Võ Thị Ngọc	**Huyền**	20/12/1995			5,0	năm	C15MT	
15	1310080012	Nguyễn Văn	**Khánh**	18/11/1995			3,0	ba	C15MT	
16	1310080040	Võ Tuấn	**Kiệt**	19/11/1995					C15MT	Nợ HP V
17	1310080011	Tsần Thị Bích	**Kim**	16/05/1995			3,5	ba rưỡi	C15MT	
18	1310080003	Huỳnh Thị Khánh	**Linh**	13/05/1995			4,0	bốn	C15MT	
19	1310080009	Đỗ Sĩ	**Long**	25/07/1994					C15MT	V
20	1310080028	Nguyễn Ngọc Phúc	**Lộc**	19/03/1994			4,0	bốn	C15MT	
21	1310080047	Nguyễn Thị Trà	**My**	08/04/1995					C15MT	Nợ HP V
22	1310080025	Phạm Thị Diễm	**My**	09/01/1995			3,5	ba rưỡi	C15MT	
23	1310080027	Nguyễn Thị Hồng	**Oanh**	01/11/1994			1,0	một	C15MT	
24	1310080008	Phạm Hoàng	**Phú**	17/05/1995			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
25	1310080013	Trần Nguyễn Duy	**Sơn**	12/10/1995			5,0	năm	C15MT	
26	1310080041	Ngô Tấn	**Tài**	20/02/1995			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
27	1310080037	Thái Thiện	**Tày**	10/08/1994			8,5	tám rưỡi	C15MT	
28	1310080002	Nguyễn Trung	**Tâm**	19/05/1994			4,5	bốn rưỡi	C15MT	
29	1310080016	Huỳnh Thị Thu	**Thảo**	07/04/1995			5,0	năm	C15MT	
30	1310080031	Nguyễn Thị Hoài	**Thơ**	24/01/1994			4,0	bốn	C15MT	
31	1310080035	Trần Thị Mỹ	**Thu**	06/11/1995			2,0	hai	C15MT	
32	1310080029	Nguyễn Thị Lệ	**Thy**	08/03/1995			2,5	hai rưỡi	C15MT	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1310080017	Ngô Thị Lệ	**Trang**	21/06/1995			5,0	năm	C15MT	
34	1310080007	Lê Thị Mỹ	**Tuyền**	30/9/1995			8,0	tám	C15MT	
35	1310080039	Nguyễn Anh	**Tú**	02/11/1991			3,5	ba rưỡi	C15MT	
36	1310080022	Mai Thị Hồng	**Tươi**	08/07/1995			3,5	ba rưỡi	C15MT	
37	1310080044	Ngô Thị Kim	**Vàng**	13/05/1995			5,0	năm	C15MT	
38	1310080004	Nguyễn Đoàn Tấn	**Vinh**	22/06/1994			7,0	bảy	C15MT	
39	1310080042	Nguyễn Thị Hoàng	**Yến**	24/10/1995			5,5	năm rưỡi	C15MT	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*